

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường,
UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1883/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-SNNMT ngày 05/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thủ tục hành chính có số thứ tự 03 tiểu mục I Mục A phần II tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhân

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SON

(Kèm theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (01 TTHC)

TT	Mã Số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	- Luật Trồng trọt 2018 - Luật 146/2015/QH15 ngày 11/12/2015; - Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ; - Nghị định 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ TTHC
01	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Số thứ tự 04 tiểu mục I Mục A Phần II tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
02	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Số thứ tự 02 tiểu mục II Mục A Phần II tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.	

Phụ lục II

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG
QUY TRÌNH NỘI BỘ (22 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính
A	TTHC CẤP TỈNH (21 TTHC)
I	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (11 TTHC)
1	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
5	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
6	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật
7	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón
10	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón
11	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật
II	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (10 TTHC)
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính
2	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây

STT	Tên thủ tục hành chính
	trồng
3	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ
4	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc
5	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng
6	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng
7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng
8	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)
9	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại
10	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trồng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
B	TTHC CẤP XÃ (01 TTHC)
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: CC TT&BVTV.

A. TTHC cấp tỉnh (21 TTHC)

I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (11 TTHC)

1. Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (1.014776)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định:

- Cấp mới: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian khắc phục.
- Cấp lại: 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Cấp mới	Cấp lại
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/4 ngày	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/4 ngày	1/4 ngày
B3	Trả lời tính đầy đủ của hồ sơ bằng văn bản (Trường hợp hồ sơ không đúng quy định thì trả lại cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện: không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ vào quy trình)	CC TT&BVTV	1,5 ngày	1/2 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế - Trường hợp đáp ứng yêu cầu dự thảo Quyết định cấp MSVT/CSĐG - Trường hợp không đáp ứng soạn dự thảo Thông báo của Sở NN và MT	CC TT&BVTV	6 ngày	

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Cấp mới	Cấp lại
	trong đó nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân để thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp và báo cáo kết quả khắc phục (không tính thời gian khắc phục vào quy trình)			
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày	1/4 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày	1/2 ngày
B6	Phát hành văn bản; chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày	1/4 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			12 ngày	02 ngày

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (2.001427)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế: - Trường hợp đáp ứng các quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV. - Trường hợp không đáp ứng quy định: dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do	CC TT&BVTV	15 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	03 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Xem xét, quyết định cấp/không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			25 ngày

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (1.002560)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế: - Trường hợp đáp ứng các quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV. - Trường hợp không đáp ứng quy định: dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do	CC TT&BVTV	15 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	03 ngày
B5	Xem xét, quyết định cấp/không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			25 ngày

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004363)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế: - Trường hợp đáp ứng các quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV. - Trường hợp không đáp ứng quy định: dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do	CC TT&BVTV	09 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định cấp/không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

5. Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (2.001236)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng các quy định: dự thảo Quyết định của giám đốc Sở - Trường hợp không đáp ứng quy định: dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do	CC TT&BVTV	10 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			16 ngày

6. Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật (1.003971)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng các quy định: dự thảo Quyết định của lãnh đạo Sở - Trường hợp không đáp ứng quy định: dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do	CC TT&BVTV	02 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

7. Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón (1.007926)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế: - Trường hợp đáp ứng các quy định: dự thảo Quyết định công nhận - Trường hợp không đáp ứng quy định: dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do	CC TT&BVTV	13 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

8. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (1.007927)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân để thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp và báo cáo kết quả khắc phục (không tính thời gian khắc phục vào quy trình)	CC TT&BVTV	13 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC; đăng tải lên cổng thông tin điện tử	Văn thư Sở; VP ĐKDD	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (1.007928)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định:

- TH1: trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức cá nhân)

- TH2: trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức cá nhân).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân để thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp và báo cáo kết quả khắc phục (không tính thời gian khắc phục vào quy trình)	CC TT&BVTV	13 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày	1/2 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC; đăng tải lên cổng thông tin điện tử	Văn thư Sở; VP ĐKDD	01 ngày	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày	05 ngày

10. Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón (1.007929)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy phép - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	04 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày

11. Cấp Giấy Chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (1.003984)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 24 giờ làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	16 giờ
B4	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo CC TT&BVTV	02 giờ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư chi cục	02 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ

II. Lĩnh vực Trồng trọt (10 TTHC)

1. Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (1.008003)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định:

- TH1: Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TH2: Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày	1/2 ngày
B3	Lập tổ thẩm định, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Quyết định - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	13 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày	1/2 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày	05 ngày

2. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012072)

Thời gian thực hiện TTHC: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	03 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			06 ngày

3. Sửa đổi, đình chỉ, huỷ bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ (1.012071)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Quyết định - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	03 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thông kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			06 ngày

4. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc (1.012070)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định:

- TH1: trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng: 08 ngày làm việc.

TH2: trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa

đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh: 16 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày	01 ngày
B3	Tổ chức thẩm định: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Quyết định - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do	CC TT&BVTV	05 ngày	10 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	02 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			08 ngày	16 ngày

5. Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012063)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Quyết định - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVT	02 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVT	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

6. Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012064)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVT	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVT	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Quyết định - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVT	02 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVT	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

7. Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012062) Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	02 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

8. Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) (1.007999)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy phép nhập khẩu - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	05 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thông kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày

9. Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại (1.007994)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy phép - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	05 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày

10. Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (1.010090)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy phép - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn	CC TT&BVTV	13 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp		
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	01 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

B. TTHC cấp xã (01 TTHC)

1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (1.008004)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho UBND cấp xã	CCMC tại TTPVHCC	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo văn bản chấp thuận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận	Công chức UBND cấp xã	02 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo phòng chuyên môn UBND cấp xã	1/2 ngày
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư UBND cấp xã	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

Phụ lục III

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC
TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1037 /QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG
QUY TRÌNH NỘI BỘ (02 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	
2	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: CC TT&BVTV.

1. Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch (2.002338)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	01 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản, trình chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B6	Xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày
B7	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư UBND tỉnh	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

2. Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch (2.002339)

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo CC TT&BVTV	CCMC tại TTPVHCC	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận - Trường hợp không đáp ứng: dự thảo văn bản của Sở NN và MT trong đó nêu rõ lý do không cấp	CC TT&BVTV	1/2 ngày
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CC TT&BVTV	1/4 ngày
B5	Xem xét văn bản, trình chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/4 ngày
B6	Xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày
B7	Phát hành văn bản, chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư UBND tỉnh	1/2 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày